CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---------o0o--------

Hợp đồng số: _ _ _ _ _/2015/MTT-IntFTx *Tp. HCM ngày _ _ tháng _ _ năm 2015*

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ INTERNET

- *Căn cứ bộ luật Dân sự được quốc hội thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005.*
- *Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính viễn thông được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 25 tháng 5 năm 2002.*
- *Căn cứ yêu cầu của Bên sử dụng và khả năng cung cấp dịch vụ của Công ty TNHH Viễn thông Minh Tú.*

CHÚNG TÔI GỒM:

Bên A: **CÔNG TY _ _ _ _ _**

Người đại diện : Chức vụ

Địa chỉ :

Điện thoại : Fax :

Mã số thuế :

Bên B: **CÔNG TY TNHH VIỄN THÔNG MINH TÚ**

Người đại diện : Ông **NGUYỄN VĂN MINH** Chức vụ : **Giám Đốc**

Địa chỉ : 18/10 Sao Mai, Phường 7, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 84.8. 7309 7888 Fax : 84.8.39798819

Số tài khoản : 0331003900393 tại Ngân hàng Ngoại Thương VN – CN Bến Thành

Mã số thuế : **0309862618**

Cùng thỏa thuận ký hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet Kênh thuê riêng theo các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1 Bên B cung cấp cho Bên A dịch vụ kết nối Internet FTTH với gói cước: _ _ _ _.

1.2 Thiết bị kết nối đầu cuối: Bên B cho Bên A mượn: ..... thiết bị ..... trong suốt quá trình cung cấp và sử dụng dịch vụ.

1.3 Cung cấp miễn phí cho Bên A: ……. địa chỉ IP tĩnh

1.4 Thời hạn hợp đồng: …. năm

1.5 Địa chỉ lắp đặt: ……..

ĐIỀU 2. GIÁ CẢ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1 Phí lắp đặt – thanh toán 01 lần: ……. VNĐ (*Bằng chữ*: ……*đồng đã bao gồm 10% thuế GTGT*)

2.2 Phí thuê bao Internet (VNĐ):

MT Telecom

TT	Diễn giải	Giá (VNĐ)
1	Phí dịch vụ Internet hàng tháng/hàng năm	……
	VAT 10%	……
	Tổng cộng	**……**
Bằng chữ: _ _ _ _ _ _ _ _ _ đồng./.		

2.3 Vào ngày cuối mỗi tháng, Bên B có trách nhiệm gửi hóa đơn cước hàng tháng cho Bên A. Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn, Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ cước phí cho Bên B ghi trong hóa đơn.

2.4 Thời điểm tính cước: Kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu kỹ thuật đưa vào cung cấp, sử dụng dịch vụ.

2.5 Hình thức thanh toán: (Chọn hình thức nào thì điền dấu x vào ô trống)

☐ Tại địa điểm giao dịch thu cước của Bên B

☐ Tại địa chỉ thanh toán của Bên A trong hợp đồng.

☒ Thanh toán qua ngân hàng theo hình thức: Chuyển khoản.

2.6 Giá cước phí được áp dụng theo bảng cước dịch vụ Internet hiện hành của Bên B. Khi có sự thay đổi tăng (hoặc giảm) về giá cước trả hàng tháng, Bên B sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên A và có chữ ký của Bên A, văn bản này trở thành phụ lục hợp đồng.

2.7 Trường hợp cước phí không đủ tháng sẽ được tính như sau:

Cước phí thuê bao = Phí hàng tháng / 30 * số ngày sử dụng

ĐIỀU 3. LẮP ĐẶT VÀ BÀN GIAO

3.1 Bên B sẽ triển khai cung cấp dịch vụ cho Bên A trong vòng …… ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, cụ thể như sau:

3.1.1 Thời gian khảo sát địa điểm …… ngày.

3.1.2 Thời gian hoàn thành kéo đường cáp trong vòng …… ngày. Trong trường hợp địa điểm sử dụng của Bên A nằm trong các toà nhà, khu công nghiệp thì Bên A có trách nhiệm hỗ trợ Bên B đàm phán với bộ phận quản lý toà nhà, khu công nghiệp để Bên B hoàn thành việc triển khai cáp. Mọi chi phí cho việc đàm phán do Bên B chịu.

3.1.3 Cài đặt hệ thống: …… ngày.

3.1.4 Đăng ký tên miền và địa chỉ IP: …… ngày kể từ ngày Bên B nhận được đầy đủ bộ hồ sơ đăng ký do Bên A cung cấp.

3.2 Nghiệm thu, khai thác: Sau khi lắp đặt, cấu hình xong, hai Bên ký biên bản nghiệm thu kỹ thuật, bàn giao và đưa vào sử dụng.

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

4.1 Quyền của Bên A

4.1.1 Yêu cầu Bên B cung cấp dịch vụ Internet như đã nêu tại điều 1 của hợp đồng này, cung cấp dịch vụ đúng địa chỉ, thời gian, tiêu chuẩn chất lượng. Trường hợp chất lượng dịch vụ không đảm bảo, Bên A thông báo kịp thời cho Bên B qua số điện thoại 08- 7309 7888 hoặc gửi văn bản cho Bên B để kiểm tra xử lý.

MT Telecom

4.1.2 Có quyền yêu cầu Bên B chuyển dịch, thay đổi tốc độ, hình thức thuê bao, chuyển quyền sử dụng, tạm ngừng hoặc ngừng hẳn việc cung cấp dịch vụ theo qui định.

4.1.3 Có quyền khiếu nại về những sai sót trong việc cung cấp dịch vụ của Bên B theo đúng qui định của pháp luật.

4.1.4 Có quyền bảo mật thông tin theo đúng qui định của pháp luật.

4.1.5 Khi có nhu cầu ngừng hoặc tạm ngừng sử dụng dịch vụ, Bên A phải có văn bản yêu cầu Bên B trước 30 (ba mươi) ngày và có trách nhiệm thanh toán các khoản cước phí còn tồn đọng cho Bên B.

4.2 Nghĩa vụ của Bên A

4.2.1 Quản lý, sử dụng thiết bị, dịch vụ viễn thông và Internet theo đúng các qui định của pháp luật và theo thông báo hướng dẫn của Bên B; không sử dụng các dịch vụ viễn thông và Internet ngoài danh mục dịch vụ đã đăng ký trong hợp đồng; không sử dụng trái phép các dịch vụ khi chưa đăng ký với Bên B; không kinh doanh lại dịch vụ dưới bất kỳ hình thức nào.

4.2.2 Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cước phí các dịch vụ đã sử dụng theo qui định của Bên B và các điều khoản trong hợp đồng này (kể cả trong thời gian chờ giải quyết khiếu nại).

4.2.3 Tuân thủ đúng các qui định về quản lý, sử dụng dịch vụ Internet của Bên B. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và Bên B.

4.2.4 Chịu trách nhiệm về nội dung thông tin trao đổi của mình trên Internet, thông báo ngay cho Bên B về các thông tin xấu hoặc hành vi vi phạm pháp luật trong việc sử dụng dịch vụ Internet.

4.2.5 Tự đầu tư, bảo quản, sửa chữa thiết bị đầu cuối theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn của Bên B.

4.2.6 Hoàn trả lại các thiết bị của Bên B cho mượn trong quá trình sử dụng khi chấm dứt hợp đồng và đền bù đúng giá trị nếu như thiết bị hư hỏng do lỗi chủ quan của Bên A.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

5.1 Quyền của Bên B

5.1.1 Được quyền từ chối cung cấp dịch vụ nếu Bên A vi phạm pháp luật, gây rối trật tự an ninh qua Internet hoặc không thanh toán cước phí theo đúng cam kết.

5.1.2 Được kiểm tra việc sử dụng dịch vụ viễn thông và Internet của Bên A theo đúng quy định của pháp luật, các thể lệ, qui định khai thác dịch vụ và thoả thuận trong Hợp đồng này.

5.2 Nghĩa vụ của Bên B

5.2.1 Cung cấp dịch vụ theo điều 1, đảm bảo chất lượng dịch vụ theo đúng các quy định về tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ đã đăng ký và hướng dẫn Bên A thực hiện đúng quy trình khai thác dịch vụ và các quy định pháp luật hiện hành về sử dụng dịch vụ Internet.

5.2.2 Giữ bí mật nội dung thông tin do Bên A truyền qua mạng trừ trường hợp đặc biệt theo quy định của Pháp Luật.

5.2.3 Đảm bảo an toàn, bí mật nội dung thông tin của Bên A truyền qua mạng trừ trường hợp đặc biệt theo quy định của Pháp luật.

5.2.4 Bảo đảm kênh thông tin kết nối cho Bên A trong suốt thời gian sử dụng. Nếu có sự cố kỹ thuật xảy ra do lỗi của Bên B, Bên B phải có biện pháp khắc phục trong thời gian 02h trong

MT Telecom

trường hợp đứt cáp và 01h các trường hợp còn lại kể từ khi nhận được thông báo qua điện thoại hoặc bằng văn bản của Bên A. Hỗ trợ kỹ thuật 24/7 khi có yêu cầu của Bên A.

5.2.5 Giải quyết các yêu cầu, khiếu nại của Bên A trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận yêu cầu hoặc khiếu nại và phải tuân thủ theo đúng qui định của Pháp luật.

ĐIỀU 6. TẠM NGỪNG MỘT PHẦN HOẶC TOÀN BỘ DỊCH VỤ

6.1. Trường hợp Bên A có nhu cầu tạm ngừng sử dụng dịch vụ, Bên A phải thông báo bằng văn bản cho Bên B và phải thanh toán các khoản cước phí phải trả đến thời điểm tạm ngừng. Thời gian tạm ngừng tối thiểu là 30 (ba mươi) ngày và tối đa là 90 (chín mươi) ngày. Trong thời gian tạm ngừng dịch vụ, mỗi tháng Bên A có trách nhiệm thanh toán 30% cước phí thuê bao hàng tháng cho Bên B

6.2. Bên B có quyền tạm ngừng cung cấp dịch vụ trong các trường hợp sau:

6.2.1. Bên A vi phạm các qui định tại Khoản 4.2.1, 4.2.2 Điều 4 của hợp đồng này.

6.2.2. Bên A vi phạm pháp luật khi sử dụng dịch vụ hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

6.3. Bên B có văn bản thông báo cho Bên A thời gian tạm ngừng dịch vụ trước 07 ngày nếu Bên A có hành vi vi phạm các quy định trong hợp đồng này và các quy định khác của Pháp luật về Internet. Bên B chỉ mở lại dịch vụ sau khi Bên A đã chấm dứt việc vi phạm đó và nộp đầy đủ các khoản phí đối với các cơ quan có thẩm quyền, tiền phạt vi phạm hợp đồng.

ĐIỀU 7. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

7.1 Hợp đồng nay được chấm dứt khi :

7.1.1 Một trong hai Bên vi phạm các điều khoản cam kết trong hợp đồng, Bên kia có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện theo quy định của pháp luật.

7.1.2 Khi một trong hai Bên có yêu cầu chấm dứt hợp đồng bằng văn bản trước 30 ngày.

7.1.3 Quá thời hạn tạm ngừng quy định tại khoản 7.1 điều 7

7.1.4 Bên A có văn bản yêu cầu chấm dứt hợp đồng, hợp đồng sẽ chấm dứt tại thời điểm khi hai Bên ký biên bản thanh lý hợp đồng.

7.2 Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp:

7.2.1 Quá thời hạn tạm ngừng tối đa kể từ ngày tạm ngừng toàn bộ dịch vụ theo qui định tại Khoản 7.1 Điều 6 của hợp đồng này mà Bên A không có yêu cầu tiếp tục sử dụng dịch vụ.

7.2.2 Bên A vi phạm pháp luật, vi phạm các qui định tại Khoản 4.2.1 Điều 4 của hợp đồng này trong trường hợp tiếp tục vi phạm hoặc cần thiết để bảo vệ lợi ích xã hội.

7.2.3 Theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc các trường hợp khác theo qui định của pháp luật.

7.2.4 Bên B có văn bản thông báo cho Bên A thời gian thời gian chấm dứt hợp đồng trước 30 ngày trong các trường hợp qui định tại khoản 8.2.

7.3 Trong các trường hợp trên, Bên A vẫn phải thanh toán các khoản cước còn nợ cho Bên B. Nếu Bên A có nhu cầu sử dụng lại dịch vụ thì phải làm các thủ tục và thanh toán các chi phí như trường hợp lắp đặt mới.

7.4 Trường hợp Bên A quyết định chấm dứt hợp đồng trước khi hết hạn hợp đồng mà không phải do lỗi Bên B, thì Bên A sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên B số tiền tương đương với

MT Telecom

các tháng cước phí chưa sử dụng còn lại và hoàn trả các khoản phí đã được Bên B khuyến mãi cho Bên A trong thời gian sử dụng dịch vụ.

ĐIỀU 8. TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG

8.1 Trong trường hợp do lỗi của Bên B (trừ trường hợp bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, yêu cầu khẩn cấp của Nhà nước) mà dịch vụ bị gián đoạn quá 2h kể từ khi Bên B nhận được thông báo hỏng của Bên A lên hệ thống tổng đài 08- 7309 7888, Bên B có trách nhiệm giảm trừ cước theo công thức dưới đây (thời gian giảm cước bắt đầu tính từ sau 1h đến khi khắc phục xong sự cố):

Cước giảm trừ = (Phí trọn gói) / 720*số giờ bị gián đoạn

8.2 Trong trường hợp Bên A không thanh toán đúng hạn, Bên B sẽ bảo lưu nghĩa vụ thanh toán của Bên A và được tính lãi số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng nhà nước quy định.

8.3 Bên B sẽ chấm dứt cung cấp dịch vụ cho Bên A nếu Bên A không thanh toán công nợ cước vượt quá 03 tháng (ba tháng).

ĐIỀU 9. KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Thời hiệu khiếu nại tuân theo quy định hiện hành của Pháp luật

Các khiếu nại, tranh chấp thuộc phạm vi thoả thuận của hai Bên trong hợp đồng sẽ được các Bên cùng xem xét giải quyết, nếu không thống nhất được các Bên có quyền đưa ra giải quyết theo qui định của pháp luật.

ĐIỀU 10. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

10.1 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai Bên ký vào hợp đồng. Thời hạn của hợp đồng là **…… (……) năm** kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực. Hết thời hạn có hiệu lực của hợp đồng, nếu Bên A không có thông báo cho Bên B thì thời hạn của hợp đồng này đương nhiên được gia hạn trong từng năm tiếp theo mà không cần ký lại. Thời hạn của hợp đồng chỉ chấm dứt khi có yêu cầu bằng văn bản của một trong hai Bên gửi cho Bên còn lại trước ít nhất 30 ngày.

10.2 Sau 60 ngày kể từ ngày tạm ngừng cung cấp dịch vụ do chậm thanh toán theo qui định tại Điểm 7.2.1 Điều 7 của hợp đồng này mà Bên A vẫn chưa thanh toán cước, Bên B vẫn giữ yêu cầu thanh toán và có quyền khởi kiện trước toà án theo qui định của pháp luật.

10.3 Hợp đồng này có thể được xem xét, thay đổi, bổ sung theo qui định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc theo thoả thuận giữa hai Bên.

10.4 Hai Bên cam kết thi hành đầy đủ những điều khoản ghi trong hợp đồng này và những quy định hiện hành của Pháp luật về Internet, Bên nào vi phạm sẽ chịu trách nhiệm trước Bên kia và pháp luật.

10.5 Hợp đồng này gồm …… (……) trang được lập thành …… bản có giá trị pháp lý ngang nhau. Mỗi Bên giữ …… bản.

MT Telecom

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
GIÁM ĐỐC	**GIÁM ĐỐC**
	NGUYỄN VĂN MINH

MT Telecom